

THÔNG TƯ số 160/1998/TT-BTC ngày 15/12/1998 hướng dẫn bổ sung Thông tư số 83/1998/TT-BTC ngày 20/6/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn thuế doanh thu nguyên vật liệu và bán thành phẩm mua của cơ sở sản xuất để sản xuất hàng xuất khẩu.

Để khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất và gia công hàng xuất khẩu; thực hiện khoản 2 Điều 13 Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998 của Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và đảm bảo hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam; điểm 2 Nghị quyết số 02/1998/NQ-CP ngày 26/1/1998 của Chính phủ về chính sách, biện pháp khuyến khích xuất khẩu, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung 1 số điểm quy định tại Thông tư số 83/1998/TT-BTC ngày 20/6/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn thuế doanh thu nguyên vật liệu và bán thành phẩm mua của cơ sở sản xuất để sản xuất hàng xuất khẩu như sau:

1. Bổ sung đối tượng được hoàn thuế doanh thu quy định tại điểm 1 mục I:

Cơ sở trực tiếp gia công hàng xuất khẩu có mua nguyên vật liệu, bán thành phẩm của cơ sở sản xuất khác ở trong nước đã có thuế doanh thu để gia công hàng xuất khẩu, thuộc đối tượng được hoàn thuế doanh thu.

2. Bổ sung điểm 1, khoản 4 mục II:

- Hợp đồng xuất khẩu hoặc hợp đồng gia công ký với nước ngoài.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành cùng với ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư số 83/1998/TT-BTC ngày 20/6/1998 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương và cơ sở trực tiếp gia công hàng xuất khẩu phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét hướng dẫn bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 163/1998/TT-BTC ngày 17/12/1998 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động vận tải hàng không và bay dịch vụ.

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10/5/1997;

Căn cứ Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Để việc thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng phù hợp với tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh vận tải hàng không, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc tính thuế, kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động này như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ VÀ ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng:

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là hoạt động vận tải hàng không và bay dịch vụ như sau:

- Hoạt động vận tải hàng không bao gồm:
 - + Vận tải hành khách, hành lý,
 - + Vận tải hàng hóa,
 - + Hoạt động vận tải hàng không khác.

- Bay dịch vụ bao gồm:

- + Bay phục vụ dầu khí,
- + Bay thăm dò địa chất,
- + Bay chụp bản đồ,
- + Bay dịch vụ khác.

2. Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng:

2.1. Hoạt động vận tải quốc tế: Vận tải quốc tế là hoạt động vận tải ở nước ngoài và vận tải đối với các hành trình từ Việt Nam ra nước ngoài và ngược lại bao gồm vận tải quốc tế liên chặng nội địa. Liên chặng nội địa là hành trình đi ra nước ngoài và từ nước ngoài về có chặng bay trong nội địa và được xuất một vé cho cả hành trình.

Ví dụ 1: Ông A lộ trình đi Hà Nội - Singapore, nếu Hãng hàng không xuất 1 vé từ thành phố Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh - Singapore thì chặng thành phố Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh được gọi là vận tải quốc tế liên chặng nội địa, nếu xuất 2 vé: 1 vé thành phố Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh và 1 vé thành phố Hồ Chí Minh - Singapore thì chặng thành phố Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh là chặng bay nội địa.

Ông B có vé máy bay đi từ Pari đến Hà Nội: nếu xuất 1 vé từ Pari - thành phố Hồ Chí Minh - thành phố Hà Nội thì chặng thành phố Hồ Chí Minh - thành phố Hà Nội là vận tải quốc tế liên chặng nội địa, nếu xuất 2 vé: 1 vé Pari - thành phố Hồ Chí Minh và 1 vé thành phố Hồ Chí Minh - thành phố Hà Nội thì chặng thành phố Hồ Chí Minh - thành phố Hà Nội là chặng vận tải nội địa.

2.2. Hoạt động nhập khẩu động cơ máy bay, vật tư, phụ tùng khí tài máy bay, trang thiết bị đặc chủng phục vụ cho vận tải hàng không loại trong nước chưa sản xuất được.

2.3. Hoạt động thuê máy bay, thuê động cơ máy bay, thuê phụ tùng khí tài máy bay của nước ngoài.

2.4. Nhiên liệu bay và đồ uống nhập khẩu để phục vụ cho các chuyến bay quốc tế được hưởng theo chế độ hàng tạm nhập tái xuất.

3. Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng:

Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng là các công ty có hoạt động kinh doanh vận tải hàng không và bay dịch vụ, bao gồm:

- Công ty hạch toán kinh tế độc lập,
- Tổng công ty hàng không Việt Nam.

II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Các đối tượng nộp thuế được quy định tại điểm 3, Mục I Thông tư này tính thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế:

$$\text{Thuế giá trị gia tăng phải nộp} = \text{Thuế giá trị gia tăng đầu ra (1)} - \text{Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ (2)}$$

(1) Thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định trên cơ sở giá tính thuế giá trị gia tăng nhân (x) thuế suất thuế giá trị gia tăng. Giá tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động vận tải hành khách trong nước là giá chưa có thuế giá trị gia tăng.

Ví dụ 2: Vé vận tải hành khách từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh:

- Giá chưa có thuế giá trị gia tăng	910.000 đồng
- Thuế giá trị gia tăng (10%)	91.000 đồng
- Giá thanh toán	1.001.000 đồng

Trường hợp các đại lý bán vé bán đúng giá chính định thì khi xuất vé cho khách hàng các đại lý ghi cụ thể các yếu tố như ví dụ trên. Hoa hồng đại lý được hưởng không phải chịu thuế giá trị gia tăng và hạch toán vào chi phí của đơn vị kinh doanh vận tải hàng không.

Giá tính thuế đối với hoạt động vận tải hành lý, hàng hóa, bay dịch vụ là giá chưa có thuế giá trị gia tăng. Các đơn vị kinh doanh vận tải hàng không và bay dịch vụ khi thu cước vận tải hoặc phí dịch vụ phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng để làm căn cứ xác định thuế giá trị gia tăng đầu ra.

(2) Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ là số thuế giá trị gia tăng đầu vào ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản dùng trực tiếp cho hoạt động vận tải nội địa chịu thuế giá trị gia tăng, được xác định và hạch toán riêng. Trường hợp không hạch toán riêng được thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng hoạt động chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu vào được phân

bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu chịu thuế với tổng doanh thu chịu thuế và không chịu thuế.

Ví dụ 3: Công ty cổ phần hàng không Pacific Airlines trong kỳ tính thuế có các số liệu sau:

- Doanh thu vận tải hàng không quốc tế (doanh thu không chịu thuế) * 400 tỷ đồng
- Doanh thu vận tải hàng không nội địa và các dịch vụ chịu thuế khác là 600 tỷ đồng
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với hoạt động chịu thuế (10%) 60 tỷ đồng
- Thuế giá trị gia tăng đầu vào dùng chung cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế 20 tỷ đồng.

Giả định công ty cổ phần không hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào của hoạt động chịu thuế và không chịu thuế. Theo quy định trên, thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của các hoạt động chịu thuế được tính như sau:

- Xác định tỷ lệ doanh số hoạt động chịu thuế trên tổng doanh số

$$\frac{600 \text{ tỷ đồng}}{600 \text{ tỷ đồng} + 400 \text{ tỷ đồng}} \times 100 = 60\%$$

600 tỷ đồng + 400 tỷ đồng

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ:
20 tỷ đồng x 60% = 12 tỷ đồng.

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động chịu thuế:

$$60 \text{ tỷ đồng} - 12 \text{ tỷ đồng} = 48 \text{ tỷ đồng.}$$

Trường hợp thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định mua vào trong kỳ hạch toán riêng được một phần dùng cho hoạt động chịu thuế và một phần dùng cho hoạt động không chịu thuế, phần thuế giá trị gia tăng đầu vào còn lại được sử dụng chung cho hoạt động chịu thuế và hoạt động không chịu thuế thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hoạt động chịu thuế được xác định bằng số thuế đầu vào dùng trực tiếp cho hoạt

động chịu thuế cộng (+) số thuế đầu vào sử dụng chung được phân bổ như trường hợp nêu trên.

Ví dụ 4: Tiếp theo ví dụ 3, giả định trong tổng số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào là 20 tỷ đồng, công ty cổ phần hàng không hạch toán riêng được như sau:

- Dùng cho hoạt động chịu thuế 4 tỷ đồng
- Dùng cho hoạt động không chịu thuế 1 tỷ đồng
- Dùng chung cho cả 2 hoạt động 15 tỷ đồng.

Theo quy định trên, thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và thuế phải nộp của hoạt động chịu thuế được xác định:

+ Thuế giá trị gia tăng hạch toán riêng cho hoạt động chịu thuế 4 tỷ đồng.

+ Thuế giá trị gia tăng phân hạch toán chung phân bổ cho hoạt động chịu thuế:

$$15 \text{ tỷ đồng} \times 60\% = 9 \text{ tỷ đồng.}$$

+ Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của hoạt động chịu thuế:

$$4 \text{ tỷ đồng} + 9 \text{ tỷ đồng} = 13 \text{ tỷ đồng.}$$

+ Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động chịu thuế là:

$$60 \text{ tỷ đồng} - 13 \text{ tỷ đồng} = 47 \text{ tỷ đồng.}$$

III. KÊ KHAI, NỘP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Các công ty thực hiện đăng ký và nộp thuế giá trị gia tăng tại nơi đơn vị đóng trụ sở chính. Trường hợp công ty có các chi nhánh phụ thuộc, văn phòng khu vực ở tỉnh khác thì hàng tháng các văn phòng khu vực và các đơn vị hạch toán phụ thuộc công ty căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ mua vào thực hiện lập bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho hoạt động vận tải hàng không theo mẫu. Bảng kê lập thành hai bản: 1 bản gửi trụ sở chính của công ty, 1 bản lưu tại đơn vị.

Công ty có trách nhiệm tổng hợp bảng kê thuế giá trị gia tăng đầu vào của các văn phòng khu vực và các đơn vị hạch toán phụ thuộc công ty, thuế đầu vào phát sinh tại công ty để lập bảng kê chung số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hoạt động vận tải hàng không toàn công ty. Căn cứ doanh thu chịu thuế và doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng để tính và phân bổ thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ cho hoạt động chịu thuế.

Các công ty kê khai thuế giá trị gia tăng hàng tháng phải kê khai chi tiết hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra, thuế giá trị gia tăng đầu ra, thuế giá trị gia tăng đầu vào và được khấu trừ theo các mẫu bảng kê khác như quy định tại Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính. Thực hiện kê khai, gửi tờ khai thuế cho Cục thuế nơi đơn vị đóng trụ sở chính và nộp thuế giá trị gia tăng theo chế độ quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng công ty Hàng không Việt Nam, các công ty vận tải hàng không và bay dịch vụ có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc công ty thực hiện kê khai, tính thuế, nộp thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Về hóa đơn, chứng từ: các đơn vị phải thực hiện đúng chế độ hóa đơn, chứng từ. Trường hợp cần thực hiện hóa đơn tự in phải đăng ký với cơ quan thuế theo quy định.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 1999. Các nội dung khác không hướng dẫn tại Thông tư này vẫn được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 164/1998/TT-BTC ngày 17/12/1998 hướng dẫn thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động dịch vụ bưu chính viễn thông.

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10 tháng 5 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Để việc thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng phù hợp với hoạt động kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thêm thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ này như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng:

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ bưu chính viễn thông bao gồm:

- Dịch vụ bưu chính: Tem; bưu kiện; bưu phẩm; điện hoa; dịch vụ bưu chính khác;

- Dịch vụ viễn thông bao gồm: Điện thoại; thẻ điện thoại; điện báo; telex, fax; lắp đặt điện thoại; dịch vụ viễn thông khác;

- Dịch vụ bưu chính viễn thông quốc tế được thực hiện tại Việt Nam.

2. Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng:

- Dịch vụ bưu chính viễn thông quốc tế do các Công ty bưu chính, viễn thông nước ngoài thanh toán cho Công ty Bưu chính, viễn thông Việt Nam theo thông lệ quốc tế.